

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phước
2. Ông Nguyễn Hùng Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: ông Trần Cao Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2018/TLST- HNGĐ, ngày 02/5/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bé S, sinh năm 1965

Bị đơn: Ông Võ Văn X, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: ấp Hòa A, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/4/2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Đặng Thị Bé S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà và ông Võ Văn X chung sống với nhau năm 1981, đến ngày 19/12/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn bà và ông X chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông X thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình mà còn chửi mắng vợ con. Bà và các con có khuyên nhiều lần nhưng ông X không sửa đổi nên bà yêu cầu ly hôn với ông X.

- *Về con chung:* có 02 con chung gồm Võ Tấn T, sinh năm 1987 và Võ Tấn Th, sinh năm 1989. Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* vợ chồng có nợ ngân hàng số tiền vay là 8.000.000đồng, số nợ này bà có trách nhiệm trả cho ngân hàng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 5 năm 2018 bị đơn Võ Văn X trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: ông với bà S chung sống với nhau năm 1981, đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã Hòa Tân, huyện Châu Thành. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau này thì ông sinh tật hay uống rượu nhưng sau khi uống rượu xong thì ông đi ngủ, ông không có chửi mắng vợ con. Hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà S nên ông không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: như bà S trình bày là đúng.

- *Về tài sản chung*: vợ chồng ông tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng qui định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Bé S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Đặng Thị Bé S với ông Võ Văn X là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn X vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Bé S và ông Võ Văn X được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà S cho rằng ông X thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình mà còn chửi mắng vợ con nên bà S yêu cầu ly hôn với ông X.

Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi

phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

Xét thấy, trong quá trình chung sống ông X thường xuyên uống rượu, còn việc ông X có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng thì bà S không có chứng cứ gì để chứng minh và hiện tại bà S và ông X vẫn còn chung sống với nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà S và ông X chưa thật sự trầm trọng. Do đó, việc bà S yêu cầu ly hôn với ông X là chưa có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu yêu cầu xin ly hôn của bà S nên không xem xét con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[3] *Về án phí*: Bà Đặng Thị Bé S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Áp dụng khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Bé S.

[2] *Về án phí*: Bà Đặng Thị Bé S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 03058 ngày 02/5/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

[3] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. Châu Thành
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thiêm